

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 2017 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)*

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Ngành	: LUẬT
Mã ngành	: 52 38 01 01
Tên ngành (Tiếng Anh)	: LAW
Tên chuyên ngành	: LUẬT HỌC
Tên chuyên ngành (Tiếng Anh)	: LAW
Mã chuyên ngành	: 52 38 01 01 01
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Hình thức đào tạo	: Chương trình đào tạo đại trà

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Ngành luật học hướng đến việc đào tạo và cung ứng cho xã hội những cử nhân Luật có chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và phẩm chất chính trị tốt; được trang bị một cách toàn diện những kiến thức về các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật Việt Nam và kiến thức cơ bản về pháp luật quốc tế; có khả năng vận dụng và thích nghi tốt với môi trường pháp luật trong hiện tại và tương lai bằng kiến thức chuyên sâu về pháp luật, ngoại ngữ, tin học đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay

1.2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên chuyên ngành Luật học khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

1.2.1. Kiến thức

Kiến thức cơ bản

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản
1	CDR1	Có đầy đủ những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật của Việt Nam và thế giới, hiểu rõ nguồn gốc, bản chất của nhà nước, pháp luật

2	CĐR2	Có kiến thức toàn diện về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế. Am hiểu những vấn đề về kinh tế, quản lý nhà nước và xã hội
3	CĐR3	Có kiến thức cơ bản về kỹ thuật lập pháp và xây dựng văn bản pháp luật
4	CĐR4	Sử dụng thông thạo các công cụ công nghệ thông tin, các phần mềm phổ thông và chuyên dụng để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Kiến thức nghề nghiệp

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức nghề nghiệp
1	CĐR5	Có kiến thức toàn diện về các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Hiến pháp, Dân sự, Hình sự, Hành chính, Lao động, Hôn nhân và Gia đình, Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế, Quyền con người
2	CĐR6	Có kiến thức chuyên sâu về pháp luật trong lĩnh vực hành chính, dân sự, dân quyền và dân chủ
3	CĐR7	Tiếp cận với những kiến thức về pháp luật quốc tế, đặc biệt là pháp luật quốc tế về dân sự, hành chính và quyền con người
4	CĐR8	Nắm được một số kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, quản lý nhà nước, các vấn đề xã hội và tâm lý bên cạnh những kiến thức pháp luật thông qua các học phần tự chọn như lịch sử các học thuyết chính trị, tâm lý học, tội phạm học.

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ năng cơ bản

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản
1	CĐR9	Có tư duy logic để phân tích các tình huống pháp lý trong thực tiễn và ra quyết định phù hợp quy định pháp luật

2	CĐR10	Có kỹ năng tự tổ chức, sắp xếp và quản lý được công việc; vận dụng tốt công nghệ thông tin, khoa học trong hoạt động nghề nghiệp pháp luật và công tác quản lý nhà nước
3	CĐR11	Có thể giao tiếp và giải quyết công việc trong môi trường quốc tế với trình độ tiếng Anh IELTS 4.5 (hoặc tương đương) trở lên
4	CĐR12	Tự tin khi làm việc độc lập; phối hợp hài hòa khi làm việc theo nhóm trong môi trường đa dạng về ngôn ngữ và văn hóa.

Kỹ năng nghề nghiệp

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp
1	CĐR13	Có khả năng tự tìm, đọc, hiểu và vận dụng một cách nhanh chóng và chính xác các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật
2	CĐR14	Có khả năng phân tích tình huống pháp lý trên phạm vi rộng và đa dạng của các ngành luật trong hệ thống pháp luật; vận dụng nhạy bén, linh hoạt các quy định của pháp luật để giải quyết các vấn đề đó
3	CĐR15	Có kiến thức và kỹ năng xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật thông thường cũng như những văn bản pháp lý cần thiết trong hoạt động quản lý nhà nước về pháp luật
4	CĐR16	Có kỹ năng cơ bản trong việc nhận định và giải quyết những tình huống phát sinh trong hoạt động pháp lý và quản lý nhà nước
5	CĐR17	Có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức về pháp luật và các lĩnh vực liên quan để phát triển nghề nghiệp chuyên môn cũng như tiếp tục học sau đại học.

1.2.3. Thái độ và hành vi

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về thái độ và hành vi
1	CĐR18	<u>Phẩm chất đạo đức cá nhân</u> : Tôn trọng pháp luật và các qui định, các chuẩn mực của tổ chức; Tôn trọng cá nhân; Có tinh thần hợp tác, quan

		hệ đúng mực với nhân dân, quan hệ tốt với đồng nghiệp; Sẵn sàng đương đầu với khó khăn và áp lực, kiên trì, linh hoạt, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê, tự chủ, chính trực, phản biện, sáng tạo.
2	CĐR19	<u>Thái độ đối với nghề nghiệp:</u> Có đạo đức nghề nghiệp, có tính kỷ luật và có trách nhiệm trong công việc; Suy nghĩ trên nền tảng đạo lý, đưa ra quyết định và hành động trên cơ sở pháp lý
3	CĐR20	<u>Thái độ đối với xã hội:</u> có tinh thần phục vụ lợi ích của cộng đồng vì sự phát triển chung của toàn xã hội. Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội. Cụ thể sinh viên phải đạt tối thiểu 50 điểm hoạt động ngoại khóa theo qui định của Trường Đại học kinh tế (theo Quyết định số 749/QĐ ĐHKT ngày 20/4/2017)

1.3. Cơ hội việc làm

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc trong nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau, cụ thể:

- Làm quản lý, hoặc cố vấn pháp lý trong các cơ quan nhà nước: cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp.
- Làm tư vấn độc lập về lĩnh vực kinh doanh cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.
- Đảm nhận công tác giảng dạy và nghiên cứu về lĩnh vực pháp luật trong các cơ sở đào tạo, nghiên cứu.
- Làm việc trong các cơ quan, tổ chức của Việt Nam và các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế.

Ngoài ra, sinh viên sau khi tốt nghiệp còn có cơ hội để tiếp tục học tập ở những bậc cao hơn hoặc trở thành công chứng viên, luật sư tư vấn, tranh tụng.

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 133 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN

5. Quy trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.

7. Nội dung chương trình:

7.1. Học phần chung toàn Trường

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
01	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	2
02	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	3
03	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
04	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
05	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3
06	ENG1011	PRE-IELTS 1	3
07	ENG1012	PRE-IELTS 2	2
08	ENG1013	IELTS BEGINNERS 1	3
09	ENG1014	IELTS BEGINNERS 2	2
10	ENG2011	IELTS PRE-INTERMEDIATE 1	3
11	ENG2012	IELTS PRE-INTERMEDIATE 2	2
12	ENG2013	IELTS INTERMEDIATE 1	3
13	ENG2014	IELTS INTERMEDIATE 2	2
14	MIS1001	Tin học văn phòng	3
15	SMT3010	Logic học	2
16	MGT1001	Kinh tế vi mô	3
17	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3
18	MGT1002	Quản trị học	3
		Tổng	47
19		Giáo dục thể chất	5
20		Giáo dục Quốc phòng	4 tuần

Ngoài khối lượng kiến thức tiếng Anh như thiết kế, khuyến khích sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng Anh ENG2013 và ENG2014 tham gia các học phần tiếng Anh sau, kết quả thi các học phần này được ghi vào bảng điểm nhưng không tính vào điểm trung bình học tập.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
21	ENG3011	IELTS UPPER-INTERMEDIATE 1	2
22	ENG3012	IELTS UPPER-INTERMEDIATE 2	2
23	ENG3013	IELTS UPPER-INTERMEDIATE 3	2

24	ENG3014	IELTS UPPER-INTERMEDIATE 4	2
----	---------	----------------------------	---

7.2. Học phần chung khối ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
25	LAW2009	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3
26	LAW1002	Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật 1	2
27	LAW2002	Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật 2	3
28	ENG3004	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3
29	LAW2006	Luật Hiến pháp	3
30	LAW2007	Luật Hành chính	3
31	LAW2004	Luật Hình sự 1	3
32	LAW2003	Luật dân sự 1	3
33	LAW3003	Luật dân sự 2	3
34	LAW2008	Công pháp quốc tế	3
35	LAW2005	Luật Thương mại 1	3
		Tổng	32

7.3. Học phần chung của ngành

7.3.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
36	LAW3001	Luật thương mại quốc tế	3
37	LAW3002	Luật tài chính	2
38	LAW3004	Luật hình sự 2	3
39	LAW3006	Kỹ thuật xây dựng văn bản pháp luật	2
40	LAW3007	Luật tố tụng hình sự	3
41	LAW3008	Luật tố tụng dân sự	3
42	LAW3009	Luật Hôn nhân – Gia đình	2
		Tổng	18

7.3.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 4 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
43	SMT3002	Lịch sử các học thuyết chính trị	2
44	LAW3023	Luật học so sánh	2
45	LAW3024	Tội phạm học	2
46	LAW3025	Hiến pháp tư sản	2
47	LAW3026	Pháp luật về quyền con người	2
48	HRM3006	Tâm lý học	2

7.4. Học phần chuyên ngành

7.4.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
49	LAW3005	Luật thương mại 2	3
50	LAW3010	Luật lao động	3
51	LAW3011	Tư pháp quốc tế	3
52	LAW3013	Luật đất đai	3
53	LAW3015	Luật tổ tụng hành chính	2
54	LAW3016	Pháp luật an sinh xã hội	2
55	LAW3017	Pháp luật thi hành án	2
		Tổng	18

7.4.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 4 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
56	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
57	LAW3030	Luật luật sư	2
58	LAW3031	Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước	2
59	LAW3032	Pháp luật về công chứng, chứng thực	2
60	LAW3033	Pháp luật thanh tra và khiếu nại, tố cáo	2
61	LAW3195	Đề án môn học	2

7.5. Hoạt động ngoại khóa

TT	Hoạt động ngoại khóa	Ghi chú
62	Sinh viên tham gia các buổi tọa đàm và sinh hoạt chuyên đề pháp lý; hoặc đi tìm hiểu thực tế hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp và các công ty luật...	

7.6. Thực tập cuối khóa

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
		Hình thức 1	
63	LAW4003	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
64		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	6
		Hình thức 2	
65	LAW4004	Khóa luận tốt nghiệp (*)	10

* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

8. Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần (đính kèm theo chương trình đào tạo này)

9. Lộ trình học (đính kèm theo chương trình đào tạo này)

10. Các chương trình đào tạo (đã được kiểm định) được tham khảo (đính kèm nội dung chi tiết chương trình đào tạo đã tham khảo theo chương trình đào tạo này)

TT	Tên chương trình – Trường (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh)	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	Khung chương trình đào tạo ngành Luật – Khoa Luật, Đại học Huế	http://www.hul.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao/khung-chuong-trinh-dao-tao-nganh-luat-theo-hoc-che-tin-chi_1667.html
2	Chương trình đào tạo cử nhân luật chất lượng cao - Trường Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh	http://www.hcmulaw.edu.vn/hcmulaw/index.php?option=com_content&view=article&id=51:cqcttcnclc&Itemid=20
3	Chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Luật học – Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	http://law.vnu.edu.vn/article-Chuong-trinh-dao-tao-14119-1217.html

**HỘI ĐỒNG
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**